

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 04 - 01 - 2024
“V/việc tranh chấp góp hụi, vay”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp góp hụi và vay. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh 1976. (xin vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Chúc L**, sinh năm 1977. (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà P là nguyên đơn trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết gồm những nội dung sau:

Bà P với ông S, bà L có quan hệ họ hàng quen biết, tin tưởng nên giữa bà và ông S, bà L có thỏa thuận tham gia góp hụi, do bà P làm chủ, còn ông S, bà L là người tham gia (gọi là tay em). Bà P mở nhiều dây hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất: Ngày 30/6/2020 (AL), mở dây hụi 2.000.000đ, có 30 chung, vợ chồng bà Nguyễn Chúc L và ông Nguyễn Văn S tham gia 01 chung, đã hốt vào ngày 30/10/2020 (AL). Sau khi hốt hụi vợ chồng bà L, ông S đóng hụi chết cho đến tháng 8/2021 (AL) thì nghĩ đóng đến nay, còn nợ lại 14 lần hụi chết là 14 lần x 2.000.000đ = 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Dây thứ hai: Ngày 15/01/2021 (AL), mở dây hụi 2.000.000đ, có 23 chung, vợ chồng bà Nguyễn Chúc L và ông Nguyễn Văn S tham gia 01 chung, đã hốt ngày 15/01/2021 (AL). Sau khi hốt hụi vợ chồng bà L, ông S đóng hụi chết cho

đến tháng 11/2021 (AL) thì nghỉ đóng đến nay, còn nợ lại 12 lần hội chết là 12 lần $\times 2.000.000\text{đ} = 24.000.000\text{đ}$ (hai mươi bốn triệu đồng).

Dây thứ ba: Ngày 10/7/2021 (AL), mở dây hội 2.000.000đ, dây này 22 chung, vợ chồng bà Nguyễn Chúc L và ông Nguyễn Văn S tham gia 01 chung, đã hốt ngày 10/9/2021 (AL). Sau khi hốt hội vợ chồng bà L, ông S đóng hội chết cho đến tháng 11/2021 (AL) thì nghỉ đóng đến nay, còn nợ lại 17 lần hội chết là 17 lần $\times 2.000.000\text{đ} = 34.000.000\text{đ}$ (ba mươi bốn triệu đồng).

Đến ngày 28/11/2021 (AL), vợ chồng bà L, ông S có đến hỏi vay của bà P với số tiền là 30.0000.000đ (ba mươi triệu đồng) để làm vốn và lấp hội, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Vậy tổng số tiền vợ chồng bà Nguyễn Chúc L và ông Nguyễn Văn S còn nợ tổng cộng là 116.000.000đ (trong đó: nợ hội 86.000.000đ và nợ vay 30.000.000đ). Do đó, yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Chúc L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng). Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Chúc L là bị đơn trình bày ý kiến bằng văn bản đề ngày 15/12/2023, với nội dung: Ông S, bà L thừa nhận có tham gia hội và vay tiền của bà P, gồm:

Dây thứ nhất: Khai ngày 30/6/2020 (AL), loại hội 2.000.000đ, dây này 30 chung, vợ chồng bà L, ông S tham gia 01 chung, đã hốt ngày 30/10/2020 (AL), sau khi hốt hội vợ chồng bà L, ông S đóng hội chết đến tháng 8/2021 (AL) thì ngưng đóng đến nay, còn lại 14 lần hội chết $\times 2.000.000\text{đ} = 28.000.000\text{đ}$ (hai mươi tám triệu đồng).

Dây thứ hai: Khai ngày 15/01/2021 (AL), loại hội 2.000.000đ, dây này 23 chung, vợ chồng bà L, ông S tham gia 01 chung, đã hốt ngày 15/01/2021 (AL), sau khi hốt hội vợ chồng bà L, ông S đóng hội chết đến tháng 11/2021 (AL) thì ngưng đóng đến nay, còn lại 12 lần hội chết $\times 2.000.000\text{đ} = 24.000.000\text{đ}$ (hai mươi bốn triệu đồng).

Dây thứ ba: Khai ngày 10/7/2021 (AL), loại hội 2.000.000đ, dây này 22 chung, vợ chồng bà L, ông S tham gia 01 chung, đã hốt ngày 10/9/2021 (AL), sau khi hốt hội vợ chồng bà L, ông S đóng hội chết đến tháng 11/2021 (AL) thì ngưng đóng đến nay, còn lại 17 lần hội chết $\times 2.000.000\text{đ} = 34.000.000\text{đ}$ (ba mươi bốn triệu đồng).

Đến ngày 28/11/2021 (AL), vợ chồng bà L, ông S có hỏi vay của bà P thêm số tiền là 30.0000.000đ (ba mươi triệu đồng) để làm vốn, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Bà Nguyễn Chúc L, ông Nguyễn Văn S xác định còn nợ hội, tiền vay và đồng ý thanh toán cho bà Trần Thị P tổng số tiền là 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Trần Thị P và bị đơn là ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Chúc L thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp góp hui và vay; Ông S, bà L là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông S, bà L có trình bày ý kiến bằng văn bản và yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt của các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui và vay tài sản. Thực tế, các đương sự đã thừa nhận có giao dịch hui và vay tiền với nhau. Ông S, bà L đã nhận được các văn bản tố tụng và biết được việc khởi kiện của bà P về nợ hui và nợ tiền vay, đồng thời có ý kiến bằng văn bản, thừa nhận còn nợ hui và nợ vay chưa thanh toán số tiền 116.000.000đ (trong đó: nợ hui 86.000.000đ và nợ vay 30.000.000đ).

Xét thấy ông S, bà L thừa nhận còn nợ tiền hui và vay tiền của bà P chưa thanh toán và đồng ý thanh toán theo yêu cầu của bà P tổng số tiền 116.000.000đ (trong đó: nợ hui 86.000.000đ và nợ vay 30.000.000đ) là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biên, phường.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Chúc L.

Buộc ông S, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền là 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng). Trong đó: Nợ hui 86.000.000đ và nợ vay 30.000.000đ.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, ông S, bà L phải thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, nếu không thi hành xong thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông S, bà L phải nộp số tiền 5.800.000đ (chưa nộp)

Bà P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 16/10/2023, bà P đã dự nộp số tiền 2.900.000đ lại số 0003931 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi án có hiệu lực.

Bà P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S, bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NƠI NHÀN

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn